

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 268/2025/DS-PT
Ngày 11 - 9 - 2025
V/v: yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu,
tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Từ

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà M Thị Thu Trang - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 và 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc: “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (cũ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 463/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1962; địa chỉ: tổ 3, ấp Vĩnh A, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là tổ 3, ấp Vĩnh A, xã Phước H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1.1. Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: tổ 2, khu phố 1, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2023) (nay là tổ 2, khu phố 1, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Ông Bùi Tấn Đ, sinh năm 1997; địa chỉ: tổ 1, khu phố C, phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2023) (nay là tổ 1, khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn*: Ông Lê Minh Tr, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 3, ấp Kinh N, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là tổ 3, ấp Kinh N, xã Phước H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: số 1238/1, Lê Hồng Phong, tổ 6, khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số 1238/1, L, tổ 6, khu phố 8, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2023);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Lê Minh Th2 (tên gọi khác Thanh Minh Le), sinh năm: 1960; địa chỉ: 1647 Longmont Drive, Lawrenceville, GA 30044 USA.

3.2. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1965; địa chỉ: tổ 3, ấp Kinh N, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là tổ 3, ấp Kinh N, xã Phước H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.3. Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1967; địa chỉ: số 129/8E Lý Chiêu H, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 129/8E Lý Chiêu H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.4. Bà Lê Thị Ngọc Tr (tên gọi khác Ngoc T Le), sinh năm 1970; địa chỉ: 10 MayField St, Dorchester, MA 02125 USA.

3.5. Ông Lê Hữu Tr2 (tên gọi khác Trang Huu Le), sinh năm 1972; địa chỉ: 1305 Chandler Ridge Dr, Lawrenceville, GA 30045 USA.

3.6. Bà Lê Thị Thanh Th3 (tên gọi khác Thanh Le), sinh năm 1978; địa chỉ: 165 Cedarhurst Road, Lawrenceville, GA 30045 USA.

3.7. Ông Lê Quốc Th4 (tên gọi khác Thang Le), sinh năm 1981; địa chỉ: 563 National Ct, Gulf Breeze, FL 32563, USA.

3.8. Ông Lê Hồng Th5, sinh năm 1985; địa chỉ: 65/4A, Nguyễn B, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là 65/4A, Nguyễn Bảo, phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.9. Bà Cao Thị Phương Th6, sinh năm 1982;

3.10. Cháu Lê Cao M1 T1, sinh năm 2007;

3.11. Cháu Lê Cao M1, sinh năm 2009;

Người đại diện hợp pháp của cháu Thu và cháu Minh: Bà Cao Thị Phương Th6, sinh năm 1982 và ông Lê Minh Tr, sinh năm 1975 (cha mẹ ruột).

Cùng địa chỉ: tổ 3, ấp Kinh N, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là tổ 3, ấp Kinh N, xã Phước H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.12. Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H;

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: UBND xã Phước H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Trảng Sắn, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương cũ.

3.13. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương;

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: UBND xã Phước H và UBND xã Phước Th, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.14. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực B.

Địa chỉ: Tháp B, tầng 12B, Trung tâm thương mại đường Lê Lợi, phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T, bị đơn ông Lê Minh Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu S, Lê Thị Ngọc Tr, Lê Hồng Th5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/4/2023 (bút lục số 14,15,16), quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Thái Thanh H trình bày:

Bà T là con ruột của ông Lê Văn S (sinh năm 1937, chết ngày 09/12/2013 theo Giấy chứng tử số 62 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/12/2013) và bà Huỳnh Thị N (sinh năm 1939, chết ngày 15/05/2010 theo Giấy chứng tử số 20 do UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/05/2010).

Cha mẹ của ông S là ông Lê Văn Kh và bà Huỳnh Thị S, đều không rõ năm sinh, năm chết nhưng đã chết trước ông S (không có giấy chứng tử).

Cha mẹ của bà N là ông Huỳnh Văn My và bà Châu Thị Sinh, đều không rõ năm sinh, năm chết nhưng đã chết trước bà N (không có giấy chứng tử).

Ông S, bà N có 10 người con chung gồm: ông Lê Minh Th2 (Thanh Minh Le), sinh năm 1960; bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1962; bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1965; bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1967; bà Lê Thị Ngọc Tr (Ngoc T Le), sinh năm 1970; ông Lê Hữu Tr2 (Trang Huu Le), sinh năm 1972; ông Lê Minh Tr, sinh năm 1975; bà Lê Thị Thanh Th3 (Thanh Le), sinh năm 1978; ông Lê Quốc Th4 (Thang Le), sinh năm 1981; ông Lê Hồng Th5, sinh năm 1985. Ngoài ra, ông S, bà N không còn người con riêng hay con nuôi nào khác.

Ông S, bà N tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 70.771,8m² và tài sản gắn liền với đất, cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất diện tích 40.048,8m² thuộc thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương và 2.000 cây cao su trồng năm 2003 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số 00930 QSDĐ/PG do UBND huyện P cấp ngày 17/12/2001;

2. Quyền sử dụng đất diện tích 6.696m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số CH00049 do UBND huyện P cấp ngày 05/02/2010;

3. Quyền sử dụng đất diện tích 4.586m² thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H05339 do UBND huyện P cấp ngày 11/10/2007;

4. Quyền sử dụng đất diện tích 984m² (đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 430m²) thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H04373 do UBND huyện P cấp ngày 08/08/2006;

5. Quyền sử dụng đất diện tích 10.047m² (đất ở nông thôn 400m², HNK: 9.498m²) thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H04521 do UBND huyện P cấp ngày 06/12/2006;

6. Quyền sử dụng đất diện tích 8.410m² thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H05340 do UBND huyện P cấp ngày 11/10/2007.

Ngoài ra, khi Nhà nước thi công xây dựng đường ĐH 512 huyện P, ngày 06/11/2019 có thu hồi một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương và có bồi thường số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng), hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện P theo biên bản làm việc ngày 19/11/2019 của UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguồn gốc các phần đất nêu trên là do ông S, bà N khai phá và một phần là do nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân.

Ngày 21/05/2010, bà N chết, có để lại di chúc định đoạt quyền tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông S thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 29 và thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23. Di chúc đã được chứng thực số chứng thực 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007 tại UBND xã Vĩnh H. Tại thời điểm lập di chúc, do không hiểu biết pháp luật nên bà N đã định đoạt tất cả diện tích của hai thửa đất nêu trên cho những người thừa kế, dù đây là tài sản chung của vợ chồng ông S, bà N. Các phần di sản còn lại chưa được định đoạt bằng di chúc, vẫn được gia đình sử dụng ổn định. Tại thời điểm bà N chết, do chưa có nhu cầu phân chia di sản nên chưa thực hiện thủ tục kê khai, phân chia di sản của bà N.

Ngày 09/12/2013, ông S chết, không để lại di chúc. Tại thời điểm này, do mỗi người một nơi, việc định đoạt tài sản là di sản do cha mẹ để lại gặp nhiều khó khăn nên các anh em trong gia đình vẫn chưa thống nhất được với nhau về phương thức, cách thức thực hiện thủ tục kê khai, phân chia di sản thừa kế. Phần di sản của ông S, bà N vẫn được anh em trong gia đình thay nhau quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hiện nay, do nhu cầu phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại để ổn định cuộc sống của nguyên đơn và các anh em khác trong gia đình nên nguyên đơn đã trao đổi, thỏa thuận với các anh em, trong đó có ông Lê Minh Tr (ông Tr hiện là người đang giữ bản chính các GCNQSDĐ của các thửa đất số 276, 21, 22, 27, 29,

30) về việc phân chia di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại nhưng các anh em trong gia đình đều không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, đặc biệt là ông Tr.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Tuyên bố Di chúc của bà Huỳnh Thị N số chứng thực 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007, tại UBND xã Vĩnh H vô hiệu với lý do: bản di chúc này định đoạt cả phần tài sản của ông Lê Văn S, nếu tuyên vô hiệu $\frac{1}{2}$ di chúc thì $\frac{1}{2}$ di chúc còn lại cũng không rõ được ý chí của bà Huỳnh Thị N định đoạt như thế nào;

2. Phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N là quyền sử dụng đất diện tích 70.771,8m² nêu trên và 2.000 cây cao su trồng năm 2003 trên thửa đất số 276 thành 10 phần bằng nhau cho 10 người thừa kế, Bà T yêu cầu được hưởng một phần di sản bằng hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 7.077,18m² và 200 cây cao su gắn liền với đất (trong đó có 80m² đất ở nông thôn; 6.997,18m² đất trồng cây lâu năm);

3. Phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng) tiền bồi thường quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29, hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện P theo biên bản làm việc ngày 19/11/2019 của UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương thành 10 phần bằng nhau cho 10 người thừa kế, Bà T yêu cầu được hưởng một phần di sản bằng tiền 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng).

Ngày 12/7/2024, Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện bổ sung và xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 25/6/2024 của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T, những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố Di chúc của bà Huỳnh Thị N được chứng thực tại UBND xã Vĩnh H với số chứng thực 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007 vô hiệu.

2. Phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N chết để lại, gồm:

- Quyền sử dụng đất đo đạc thực tế diện tích 70.518,8m² thuộc các thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương và thửa số 21, 22, 27, 29, 30, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương;

- 1.600 cây cao su, 56 cây huỳnh đường trồng trên thửa đất số 276;

- 01 căn nhà cấp 4 diện tích 174,7m²; 01 cây khế và 01 cây hoa sứ (trên 30 năm tuổi) thuộc thửa đất số 29;

Yêu cầu chia các di sản nêu trên thành 10 phần bằng nhau cho 10 người thừa kế của ông S, bà N. Bà T yêu cầu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 7.051,88m² (trong đó có 80m² đất ở nông thôn; 6.971,88m² đất trồng cây lâu năm); 200 cây cao su, giá trị 1/10 của 56 cây huỳnh đường; giá trị 1/10 của căn nhà cấp 4 diện tích 17,47m² và 1/10 giá trị cây khế và cây hoa sứ gắn liền với thửa đất số 29;

3. Chia di sản thừa kế của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N là 490.000.000

đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng) tiền bồi thường quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29, hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện P theo biên bản làm việc ngày 19/11/2019 của UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương thành 10 phần bằng nhau cho 10 người thừa kế, Bà T được hưởng một phần di sản là 49.000.000 đồng (bốn mươi chín triệu đồng).

Bị đơn ông Lê Minh Tr và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Bùi Văn T trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của ông S, bà N.

Bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Di chúc do bà N lập được UBND xã Vĩnh H ký chứng thực ngày 06/9/2007 là hoàn toàn tự nguyện, tinh thần minh mẫn, không bị ai ép buộc, phù hợp pháp luật, bà N định đoạt đối với tài sản riêng của mình là thửa đất số 29 và 276 nêu trên.

Các tài sản khác do bà N đứng tên là tài sản của bà Lê Thị Thanh Th3, Lê Hữu Tr2 gửi tiền về mua, gồm: GCNQSDĐ số HG05339 ngày 11/10/2007, GCNQSDĐ số HG05340 ngày 11/10/2007 là tiền do bà Th3 gửi về mua, mặc dù bà N đứng tên, nhưng đây là tài sản của bà Th3; GCNQSDĐ số CH00049 ngày 05/02/2010 là tiền do ông Tr2 gửi về mua, mặc dù bà N đứng tên, nhưng đây là tài sản của ông Tr2. CNQSDĐ số AG 465560, sổ vào sổ H04373 (thửa số 27) là do ông Tr mua.

Bà N bị bệnh (mở thận) năm 1992 lần thứ nhất, năm 2000 lần thứ hai, năm 2010 lần thứ ba thì chết, bệnh liên tục không thể trồng cây cao su năm 2004. Tất cả các loại cây trồng trên đất do ông Tr trồng.

Số tiền 415.000.000 đồng không phải 490.000.000 đồng, số tiền này ở đâu ai quản lý ông Tr không biết.

Ngày 12/7/2024, Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Minh Tr, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu công nhận Di chúc được UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương xác nhận số 05, quyền 01TP-CCSCT/DC ngày 06/9/2007 là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Phương Th6, cháu Lê Cao M1 T1, cháu Lê Cao M1 (cháu Thu, cháu Minh do ông Lê Minh Tr và bà Cao Thị Phương Th6 đại diện) trình bày:

Bà Thanh là vợ ông Tr, cháu Thu, cháu Minh là con của ông Tr, bà Thanh, sống cùng địa chỉ với ông Tr, bà Thanh, cháu Thu, cháu Minh thống nhất trình bày của ông Tr, yêu cầu căn cứ đúng pháp luật để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Tr2 trình bày:

Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu giải quyết vắng mặt (theo đơn ngày 02/3/2024 được Hợp pháp hóa lãnh sự số 1103G1B HPHLS ngày 11/3/2024 tại Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại San Francisco).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Th5 trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn, tài sản tranh chấp ông Tr đang quản lý sử dụng, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu S trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Th5, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Thông nhất trình bày của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Th5, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Ngọc Tr, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng (ủy thác tư pháp hình thức dịch vụ bưu chính) nhưng không có văn bản ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H trình bày:

Công văn số 134/UBND-HC ngày 13/8/2024, thông báo vắng mặt tại các cuộc họp, xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Công văn số 1350/CV-TNMT ngày 23/9/2024, đề nghị không tiến hành phiên họp, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện P (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P) trình bày:

Số tiền bồi thường 406.176.030 đồng cho hộ bà Huỳnh Thị N khi thực hiện công trình xây dựng đường ĐH 512 (đường kiểm), huyện P, hiện nay số tiền này của UBND huyện P, đã đưa vào kho bạc Nhà nước.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T về việc “yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Tuyên bố Di chúc của bà Huỳnh Thị N số chứng thực 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007, tại UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương vô hiệu.

1.2. Các đồng thừa kế của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N gồm: ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5.

1.3. Di sản của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N gồm: diện tích 70.518,8m² thuộc các thửa số 21, 22, 27, 29, 30, 276, trị giá 65.069.040.000 đồng; nhà ở diện tích 174,7m², trị giá 170.681.900 đồng; 01 cây khế, trị giá 285.000 đồng; 01 cây sứ,

trị giá 114.000 đồng trên thửa đất số 29; 1.600 cây cao su, trị giá 704.960.000 đồng; 56 cây huỳnh đường, trị giá 120.960.000 đồng trên thửa đất số 276; giá trị đất bị thu hồi 324.682.400 đồng (thửa số 27, 29); cây trứng cá 100.000 đồng; cây mận 330.000 đồng. Tổng cộng 66.391.153.300 đồng (sáu mươi sáu tỷ ba trăm chín mươi một triệu một trăm năm mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Trích 10% công sức đóng góp, gìn giữ cho ông Lê Minh Tr, số tiền 6.639.115.330 đồng (sáu tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu một trăm mười lăm nghìn ba trăm ba mươi đồng). Tổng cộng, di sản của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N là 59.752.037.970 đồng (năm mươi chín tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

1.4. Chia di sản của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế (10 đồng thừa kế) của ông S, bà N gồm: ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5, mỗi kỹ phần là 5.975.203.797 đồng (năm tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn bảy trăm chín mươi bảy nghìn), trong đó: giá trị đất 5.930.546.400 đồng (năm tỷ chín trăm ba mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng); nhà và cây trồng 15.397.281 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi một đồng); tiền bồi thường 29.260.116 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn một trăm mười sáu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh Tr nhận đất và thanh toán giá trị đất cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4.

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4 giá trị đất được hưởng mỗi người là 5.930.546.400 đồng (năm tỷ chín trăm ba mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc phân đất được chia cho người nào mà có tài sản của ông S, bà N trên đất thì người được chia đó thừa hưởng và không phải bồi hoàn giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Ông Lê Minh Tr được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 27.753,9m² (trong đó có 400m² đất ở nông thôn; 1.127,6m² đất hành lang an toàn đường bộ; 26.226,3m² đất trồng cây lâu năm) thuộc tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất gồm: nhà ở diện tích 174,7m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men; 01 cây khế; 01 cây sứ (ký hiệu A1).

Bà Lê Thị Tuyết M được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 2.716,1m² (có 400m² đất ở nông thôn; 2.316,1m² đất nông nghiệp trong đó có 358,1m² hành lang an toàn đường bộ) thuộc tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu A2).

Ông Lê Minh Tr được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 14.799,2m² đất trồng cây lâu năm (có 1.879,5m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một

phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B1).

Bà Lê Thị Tuyết M được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 3.049,6m² đất nông nghiệp (có 49,6m² hành lang an toàn đường bộ) thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B2).

Bà Lê Thị Thanh T được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 7.400m² đất trồng cây lâu năm (có 133,6m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B3).

Bà Lê Thị Thu S được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 7.400m² đất trồng cây lâu năm (có 123,5m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B4).

Ông Lê Hồng Th5 được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 7.400m² đất trồng cây lâu năm (có 117,1m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B5).

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai thu hồi GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA107325, số vào sổ CH00049 ngày 05/02/2010; GCNQSDĐ số AK140745, số vào sổ H05340 ngày 11/10/2007; GCNQSDĐ số AK 140744, số vào sổ H05339 ngày 11/10/2007; GCNQSDĐ số AG 465560, số vào sổ H04373 ngày 08/8/2006; GCNQSDĐ số AG 465673, số vào sổ H04521 ngày 06/12/2006; GCNQSDĐ số T 190698, số vào sổ 00930 QSDĐ/PG ngày 17/12/2001 do UBND huyện P cấp cho bà Huỳnh Thị N để cấp lại theo quyết định của bản án này.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm giao đất cho bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, ông Lê Hồng Th5 theo kỹ phần được chia và được quyền quản lý sử dụng.

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5 giá trị nhà, cây trồng (sứ, khế), mỗi người 15.397.281 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi một đồng).

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Hữu Tr2 giá trị căn nhà 58,5m², số tiền 68.585.400 đồng; 01 bồn nước bằng nhựa 500 lít số tiền giá 892.000 đồng, tổng cộng 69.477.400 đồng (sáu mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Thanh Th3 giá trị

căn nhà 74m², số tiền 80.973.760 đồng; 01 bồn nước bằng nhựa 1000 lít + chân sắt, số tiền 892.000 đồng, tổng cộng 81.865.760 đồng (tám mươi một triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Sau khi thanh toán xong, ông Lê Minh Tr được quyền quản lý sử dụng nhà ở diện tích 174,7m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men; 01 cây khế; 01 cây sứ; nhà ở diện tích 58,5m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men; nhà ở diện tích 74m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men.

Bà Lê Thị Tuyết M có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh Tr giá trị cây trồng, hàng rào trên phần đất được chia với số tiền 121.052.547 đồng (một trăm hai mươi một triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Sau khi thanh toán xong, bà Lê Thị Tuyết M được quyền quản lý sử dụng hàng rào diện tích 78,3m², cây trồng trên phần đất được quyền quản lý sử dụng.

Ủy ban nhân huyện P và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P có trách nhiệm chi trả cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5 mỗi người số tiền 29.260.116 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn một trăm mười sáu đồng).

Ủy ban nhân huyện P và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P có trách nhiệm chi trả cho ông Lê Minh Tr số tiền 142.834.986 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Ông Lê Minh Tr có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phân chênh lệch cho các đồng thừa kế của ông S, bà N gồm: bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Thu S, ông Lê Hồng Th5, mỗi người 10.546.400 đồng (mười triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Bà Lê Thị Tuyết M có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phân chênh lệch cho ông Lê Minh Tr số tiền 505.233.600 đồng (năm trăm lẻ năm triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T về việc “yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường 81.063.630 đồng (tám mươi một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Minh Tr về yêu cầu tuyên bố Di chúc của bà Huỳnh Thị N số chứng thực 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007, tại UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương là hợp pháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2024 ông Lê Minh Tr kháng cáo Bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cũng như vi phạm nghiêm trọng về nội dung, đường lối xét xử gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, vì thế đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Trong các ngày 10 và 14/10/2024 bà Lê Thu Sương; ngày 11 và 14/10/2024 bà Lê Hồng Th5; và ngày 11/10/2024 bà Lê Thị Thanh T, ngày 25/10/2025 bà Lê Thị Ngọc Tr, làm đơn kháng cáo có cùng nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không tính công sức cho ông Lê Minh Tr 10% giá trị di sản. Đồng thời đề nghị chia cho các bà một phần đất mà trong đó có 100m² đất thổ cư tại thửa đất 29, 27, tờ bản đồ số 23 tại ấp Kinh N, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (cũ).

Ngày 15/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 56/QĐ-VKS-DS đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 theo hướng công nhận Di chúc ngày 06/9/2007 có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Hồng Th5 và bà Lê Thị Thanh T, Lê Thị Ngọc Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 56/QĐ-VKS-DS đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm:

Tòa sơ thẩm xác định Di chúc lập ngày 06/9/2007 vô hiệu toàn bộ là đúng quy định của pháp luật vì vi phạm về cả nội dung và hình thức. Tuy nhiên việc Tòa sơ thẩm phân chia di sản theo pháp luật là không đảm bảo công bằng khi cho ông Tr được hưởng 10% giá trị di sản và chia cho các nguyên đơn đất ở những vị trí không Th5 tiện, không có thổ cư. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Hồng Th5 và bà Lê Thị Ngọc Tr.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ý kiến tranh luận:

Di chúc do bà Huỳnh Thị N lập được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương chứng thực ngày 06/9/2007 là hoàn toàn tự nguyện, tinh thần rất minh mẫn, không bị ép buộc, phù hợp với pháp luật. Bà Huỳnh Thị N chỉ định đoạt đối với tài sản của riêng là các thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23, diện tích 10.047m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 465673, số vào sổ H04521, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 06/12/2006 và thửa đất số 276, tờ bản đồ số 29, diện tích 39.758m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T190698, số vào sổ 000930, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 17/12/2001.

Các tài sản khác do bà N đứng tên là tài sản của các con bà N là Lê Thị Thanh Th3 và Lê Hứa Trang gửi tiền về mua để bà N đứng tên thay. Vì là Việt kiều nên trong các thời điểm này không được mua bán nhà, đất và đứng tên tài sản tại Việt

Nam. Bà N đứng tên Quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Thanh Th3 và ông Lê Hữu Tr2 gồm có, như sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05339 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 11/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HG 05340 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 11/10/2007 là tiền do bà Lê Thị Thanh Th3 gởi về để mua. Mặc dù bà Huỳnh Thị N đứng tên, nhưng đây là tài sản của bà Lê Thị Thanh Th3. Chính vì vậy mà khi lập Di chúc bà N không đề cập đến phần tài sản này.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00049 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 05/02/2010 là tiền do ông Lê Hữu Tr2 gởi về cho bà N mua, đứng tên thay. Vì thời điểm này Việt kiều không được mua bán nhà, đất tại Việt Nam cho nên không thể đứng tên tài sản của mình được, bà N đứng tên thay cho ông Lê Hữu Tr2. Chính vì vậy mà khi lập Di chúc bà N hoàn toàn không đề cập đến phần tài sản này.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 465560, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 04373, thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 23, diện tích 984m² (trong đó có 400m² thổ cư, LNK 430m, hành lang bảo vệ đường bộ, sông, suối 154m²), tọa lạc tại ấp Kinh Nhượng, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương là do ông Lê Minh Tr mua.

Như vậy bà Huỳnh Thị N chỉ có 02 miếng đất duy nhất là thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23, diện tích 10.047m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 465673, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 04521, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp 06/12/2006 và thửa đất số 276, tờ bản đồ số 29, diện tích 39.758m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 190698, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00930/QSDĐ/PG do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 17/12/2001. Tổng diện tích là 49.850m².

Hai thửa đất này đã được bà N lập Di chúc vào ngày 06/9/2007 và có sự chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ngày 28/10/2010, tại Phòng Công chứng quận Gwinnett Bang Georgia Hoa Kỳ ông Lê Văn S làm giấy xác nhận cam kết không tranh chấp bất cứ tài sản nào của vợ tôi là bà Huỳnh Thị N.

Do đó di chúc trên là hợp pháp và có giá trị pháp lý. Tuy nhiên Tòa sơ thẩm đã vi phạm trong tố tụng khi không xác minh và tạo điều kiện để đương sự cung cấp chứng cứ thể hiện qua hành vi ấn định thời hạn cung cấp không phù hợp là chỉ có 07 ngày khi đương sự ở nước ngoài.

Vì thế đề nghị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2024/DS-PT ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Về quan hệ hàng thừa kế:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông S, bà N gồm 10 người: Ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5.

- Về di sản thừa kế:

Ngày 28/10/2010, tại Phòng Công chứng quận Gwinnett Bang Georgia Hoa Kỳ ông S làm giấy xác nhận không tranh chấp tài sản với bà N với nội dung: “*Cam kết không tranh chấp bất cứ tài sản nào của vợ tôi là bà Huỳnh Thị N Cư trú tại tổ 3, ấp Kinh Nhượng, xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (chết ngày 15/5/2010) đã cho các con tôi trong di chúc hoặc không được đề cập trong di chúc. Văn bản có xác nhận của công chứng viên Tòa án quận Gwinnett bang Georgia và được hợp pháp hoá lãnh sự số 511B/LS-HPH 2010 ngày 08/11/2010 tại Tổng Lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam thành phố Hiu-xton Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đúng quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định, nên có căn cứ xác định các tài sản là quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 21, 22, 27, 29, 30 và 276 là tài riêng của bà N và tiền bồi thường 406.176.030 đồng.*

Như vậy, di sản thừa kế của bà N gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc các thửa số 21, 22, 27, 29, 30, 276 và toàn bộ tiền bồi thường.

- Về bản Di chúc của bà N lập ngày 06/9/2007:

Di chúc được lập bằng văn bản, có chữ ký của người để lại di chúc, được UBND xã Vĩnh H chứng thực số 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007; di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết; bà N lập bản di chúc trong trường hợp minh mẫn tỉnh táo, không bị lừa dối, cưỡng ép phù hợp với Điều 646, 647, 648 Bộ luật Dân sự năm 2005. Đây là di chúc bằng văn bản được chứng thực quy định tại khoản 4 Điều 650 Bộ luật Dân sự 2005.

Về nội dung di chúc do bà N lập ngày 06/9/2007 có ghi rõ ngày tháng năm lập di chúc, họ tên của người lập di chúc, người được hưởng di sản; di sản để lại và nơi có di sản phù hợp với Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, về mặt nội dung và hình thức của bản di chúc không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005.

Bà N lập di chúc định đoạt tài sản là một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23, diện tích 10.047m² và thửa đất số 276, tờ bản đồ số 29, diện tích 39.758m². Mặc dù thời điểm lập di chúc, bà N định đoạt một phần thửa đất số 29 và thửa 276 là tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông S. Tuy nhiên, ngày 28/10/2010, ông S làm giấy xác nhận không tranh chấp tài sản với bà N đã cho các con trong di chúc và các tài sản khác ngoài di chúc. Do đó, có cơ sở xác định di chúc bà N là hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh Tr, chia di sản theo di chúc và theo pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo hủy

Bản án sơ thẩm của ông Tr, và của bà Lê Thị Thu S, bà Lê Hồng Th5, Lê Thị Ngọc Tr và bà Lê Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và đơn kháng cáo của ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Hồng Th5, Lê Thị Ngọc Tr và bà Lê Thị Thanh T đúng quy định tại Điều 271, 272, 273, 276, 278, 279 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố Di chúc ngày 06/9/2007 vô hiệu, chia di sản thừa kế của ông S, bà N theo quy định của pháp luật; bị đơn yêu cầu tuyên bố di chúc hợp pháp. Do đó đây là vụ án tranh chấp về “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản”, còn thời hiệu khởi kiện, vụ án có đương sự ở nước ngoài. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, 35, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về nội dung:

Các đương sự thống nhất trình bày, cụ Lê Văn S - sinh năm 1937 (chết ngày 09/12/2013) và cụ Huỳnh Thị N - sinh năm 1939 (chết ngày 15/05/2010); cha mẹ của cụ S và cha mẹ cụ N đều chết trước cụ S và cụ N.

Cụ S và cụ N là vợ chồng có 10 người con chung gồm: ông Lê Minh Th2 (Thanh Minh Le) - sinh năm 1960; bà Lê Thị Thanh T - sinh năm 1962; bà Lê Thị Tuyết M - sinh năm 1965; bà Lê Thị Thu S - sinh năm 1967; bà Lê Thị Ngọc Tr (Ngọc T Le) - sinh năm 1970; ông Lê Hữu Tr2 (Trang Huu Le) - sinh năm 1972; ông Lê Minh Tr - sinh năm 1975; bà Lê Thị Thanh Th3 (Thanh Le) - sinh năm 1978; ông Lê Quốc Th4 (Thang Le) - sinh năm 1981; ông Lê Hồng Th5 - sinh năm 1985; ngoài ra không còn người con riêng hay con nuôi nào khác.

Sinh thời cụ S và cụ N tạo lập được khối tài sản là các quyền sử dụng đất với diện tích diện tích 70.771,8m² và tài sản gắn liền với đất, cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất diện tích 40.048,8m² thuộc thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương và 2.000 cây cao su trồng năm 2003 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số 00930 QSDĐ/PG do UBND huyện P cấp ngày 17/12/2001;

2. Quyền sử dụng đất diện tích $6.696m^2$ thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số CH00049 do UBND huyện P cấp ngày 05/02/2010;

3. Quyền sử dụng đất diện tích $4.586m^2$ thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H05339 do UBND huyện P cấp ngày 11/10/2007;

4. Quyền sử dụng đất diện tích $984m^2$ (đất ở nông thôn $400m^2$, đất trồng cây lâu năm $430m^2$) thuộc thửa số 27, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H04373 do UBND huyện P cấp ngày 08/08/2006;

5. Quyền sử dụng đất diện tích $10.047m^2$ (đất ở nông thôn $400m^2$, HNK: $9.498m^2$) thuộc thửa số 29, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H04521 do UBND huyện P cấp ngày 06/12/2006;

6. Quyền sử dụng đất diện tích $8.410m^2$ thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương theo GCNQSDĐ số H05340 do UBND huyện P cấp ngày 11/10/2007.

Ngoài ra, khi Nhà nước thi công xây dựng đường ĐH 512 huyện P, ngày 06/11/2019 có thu hồi một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương và có bồi thường số tiền 490.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi triệu đồng), hiện đang lưu giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện P theo biên bản làm việc ngày 19/11/2019 của UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Các tài sản trên các thửa đất số 21, 22, 27, 29, 30, 276 do ông Tr quản lý sử dụng trừ căn nhà của bà M.

Các đương sự thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc, biên bản định giá do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tiến hành. Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất được thể hiện tại trang 12, 13, 14, 15 của Bản án sơ thẩm.

[3] Xét Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và kháng cáo của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với Di chúc ngày 06/9/2007 bà N lập được UBND xã Vĩnh H chứng thực số 05, quyền số 01TP/CC-SCT-DC ngày 06/9/2006, với nội dung:

“Bà N có hai mảnh đất diện tích $10.047m^2$ thuộc thửa số 29 và $39.758m^2$ thuộc thửa số 276, tài sản do bà N tạo dựng, bà N lập di chúc để lại diện tích đất trên như sau:

Thửa đất số 29 cho các con: Lê Minh Th2 diện tích $1.647m^2$ (ngang 30,5m x sâu 54m); Lê Hồng Th5 diện tích $918m^2$ (ngang 17m x sâu 54m); Lê Quốc Th4 $918m^2$ (ngang 17m x sâu 54m); Lê Minh Tr $918m^2$ (ngang 17m x sâu 54m); Lê Hữu Tr2 $918m^2$ (ngang 17m x sâu 54m); Lê Thị Thanh Th3 $540m^2$ (ngang 10m x sâu 54m); Lê Thị Ngọc Tr $540m^2$ (ngang 10m x sâu 54m); Lê Thị Thu S $540m^2$ (ngang 10m x sâu 54m); Lê Thị Tuyết M $540m^2$ (ngang 10m x sâu 54m); Lê Thị Thanh T $540m^2$ (ngang 10m x sâu 54m); một phần diện tích còn lại để bà N bán.

Thửa đất số 276 hiện đang trồng cao su cho các con: Lê Hồng Th5, Lê Quốc

Th4, Lê Minh Tr, Lê Hữu Tr2 mỗi người một phần bằng nhau.

Bà N cam đoan số tài sản trên là của bà N.

Sau khi bà N qua đời các con được toàn quyền quản lý sử dụng định đoạt số tài sản nói trên, có nghĩa vụ lo ma chay cho bà N, di chúc lập ngày 04/10/2006 bà N hủy bỏ”.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị cho rằng sau thời điểm mở thừa kế, cụ S đã biết cụ N định đoạt toàn bộ tài sản chung trong di chúc, nhưng cụ S không phản đối, không có ý kiến về nội dung di chúc và có văn bản xác nhận không có tranh chấp về tài sản mà cụ N đã định đoạt trong di chúc và ngoài di chúc, vì thế cho rằng di chúc có hiệu lực.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ Lê Văn S và cụ Huỳnh Thị N chung sống với nhau từ năm 1960 nên là vợ chồng hợp pháp, có 10 người con chung, đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong thời kỳ hôn nhân, cụ S và cụ N đã tạo lập, khai phá và nhận chuyển nhượng hợp pháp nhiều diện tích đất và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đây là tài sản riêng, do đó toàn bộ khối tài sản nêu trên được xác định là tài sản chung của vợ chồng cụ S, cụ N theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Cụ Huỳnh Thị N chết năm 2010. Trước khi chết, ngày 06/9/2007 cụ N có lập di chúc tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh H. Di chúc này có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nội dung xác định rõ người để lại di sản, người thừa kế, tài sản để lại, được lập trong tình trạng minh mẫn, tự nguyện nên về hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 646, 647, 648, 653 Bộ luật Dân sự 2005.

Tuy nhiên, toàn bộ tài sản để lại là tài sản chung của vợ chồng, nên cụ N chỉ có quyền định đoạt đối với 1/2 khối tài sản chung. Việc cụ N lập di chúc định đoạt cả phần tài sản của cụ S đã vượt quá phạm vi quyền của mình theo quy định tại Điều 219; điểm b khoản 2 Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005, di chúc chỉ có hiệu lực trong phạm vi tài sản thuộc quyền sở hữu của người lập di chúc là 1/2 khối tài sản chung thuộc quyền của cụ N.

Xét văn bản ngày 28/10/2010, của cụ Lê Văn S lập tại Phòng công chứng quận Gwinnett, bang Georgia (Hoa Kỳ), đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trong đó cụ S xác nhận không tranh chấp, không yêu cầu chia đôi với phần tài sản của cụ Huỳnh Thị N để lại cho các con theo di chúc năm 2007.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về hình thức: Văn bản này được công chứng hợp pháp tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đã được hợp pháp hóa lãnh sự, do vậy có giá trị chứng cứ về mặt thủ tục.

+ Về nội dung: Văn bản thể hiện ý chí tự nguyện của cụ S rằng không tranh chấp đối với phần tài sản của cụ N.

Tuy nhiên, đây chỉ được coi là việc từ bỏ quyền yêu cầu phân chia phần di

sản trong khối tài sản của cụ N, chứ không phải sự định đoạt phần tài sản thuộc quyền sở hữu của chính cụ S trong khối tài sản chung của vợ chồng.

Đồng thời vì đây cũng không phải là di chúc theo quy định tại các Điều 646, 652 Bộ luật Dân sự 2005, vì không thể hiện việc định đoạt tài sản của cụ S sau khi chết. Văn bản đó cũng không phải là thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa vợ chồng theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000, bởi tại thời điểm cụ S lập văn bản thì cụ N đã chết, nên không thể có sự thỏa thuận giữa hai bên vợ chồng.

Ngoài ra, xét Di chúc lập ngày 06/9/2007 được UBND xã Vĩnh H chứng thực số 05, quyền số 01TP/CC-SCT/DC tại UBND xã Vĩnh H thể hiện: *“Ngày 06/9/2007 tại UBND xã Vĩnh H, tôi Võ Đông Giang, Chủ tịch UBND xã Vĩnh H chứng thực: bà Huỳnh Thị N đã tự nguyện lập di chúc này, theo sự nhận biết của tôi tại thời điểm chứng thực bà Huỳnh Thị N có năng lực hành vi dân sự phù hợp quy định của pháp luật; nội dung di chúc không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái đạo đức xã hội; bà Huỳnh Thị N đã nghe đọc lại di chúc này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong di chúc và đã ký điểm chỉ tay vào di chúc trước mặt tôi”*.

Nội dung chứng thực của UBND xã Vĩnh H nêu trên đã thể hiện cụ N là người không biết đọc. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng. Như vậy, di chúc này bà N không đọc được di chúc mà di chúc do người có thẩm quyền chứng thực đọc lại cho bà N nghe và chứng thực di chúc là chưa đúng quy định của pháp luật.

Do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương cho rằng có hiệu lực pháp luật là không có cơ sở.

[3.2] Đối với việc phân chia di sản:

Ông Lê Minh Tr cho rằng thừa đất số 21 là của ông Lê Hữu Tr2 gửi tiền cho cụ N để sang nhượng đất, giấy chứng nhận bà N đứng tên. Chứng cứ là giấy ủy quyền đại diện pháp lý ngày 28/10/2010 của ông Tr2 có xác nhận của Công chứng viên Tòa án quận Gwinnett Bang Georgia.

Đối với thừa đất số 22, 30, bị đơn trình bày là của bà Lê Thị Thanh Th3 gửi tiền cho cụ N để sang nhượng đất, giấy chứng nhận bà N đứng tên. Chứng cứ là giấy ủy quyền đại diện pháp lý ngày 28/10/2010 của bà Th3 có xác nhận của Công chứng viên Tòa án quận Gwinnett Bang Georgia.

Đối với thừa đất số 27, bị đơn trình bày là của ông Tr bỏ tiền mua, để bà N đứng tên;

Tuy nhiên ngoài lời trình bày bị đơn không còn chứng cứ nào khác; Tòa sơ thẩm đã yêu cầu bị đơn cung cấp các chứng cứ liên quan đến thỏa thuận giữa ông Tr, ông Tr2, bà Th3 với bà N về việc đất của các ông bà nêu trên để cụ N đứng tên nhưng không cung cấp được.

Do đó Tòa sơ thẩm xác định tài sản của cụ S và cụ N là quyền sử dụng đất đo đạc thực tế diện tích 70.518,8m² thuộc các thửa số 21, 22, 27, 29, 30, 276, trị giá 65.069.040.000 đồng; nhà ở diện tích 174,7m², trị giá 170.681.900 đồng; 01 cây khế, trị giá 285.000 đồng; 01 cây sứ, trị giá 114.000 đồng trên thửa đất số 29; 1.600 cây cao su, trị giá 704.960.000 đồng; 56 cây huỳnh đường, trị giá 120.960.000 đồng trên thửa đất số 276; giá trị đất bị thu hồi 324.682.400 đồng (thửa số 27, 29); cây trứng cá 100.000 đồng; cây mận 330.000 đồng.

Tổng cộng 66.391.153.300 đồng và phân chia theo pháp luật là có căn cứ.

+ Về công sức quản lý, gìn giữ:

Theo đương sự trình bày, ông S đi qua nước Hoa Kỳ sinh sống từ năm 1997, ông Tr sinh sống trên đất cùng với bà N, sau khi bà N chết, ông Tr quản lý sử dụng và gìn giữ đất nên Tòa sơ thẩm tính công sức đóng góp quản lý, gìn giữ cho ông Tr là 10%, tương đương 6.639.115.330 đồng; giá trị di sản còn lại còn lại là 59.752.037.970 đồng, được chia thành 10 kỷ phần cho các đồng thừa kế của ông S, bà N là phù hợp và có căn cứ.

Đối với ông Th2, bà Tr, ông Tr2, bà Th3, ông Th4 là người nước ngoài, quá trình tố tụng Tòa sơ thẩm đã tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến. Đồng thời theo quy định Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 thì ông Th2, bà Tr, ông Tr2, bà Th3, ông Th4 không thuộc các trường hợp quy định nhận đất; đất tranh chấp phần lớn là đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm). Tại phiên tòa ngày 23/9/2023, ông Tr trình bày ông Tr nhận kỷ phần của ông Th2, bà Tr, ông Tr2, bà Th3, ông Th4 và bồi hoàn giá trị cho ông Th2, bà Tr, ông Tr2, bà Th3, ông Th4 nên Tòa sơ thẩm ghi nhận là có đúng quy định.

Tại Tòa sơ thẩm Bà T yêu cầu nhận đất có đất ở; bà M yêu cầu được nhận vị trí đang có nhà của bà M; bà S, ông Th5 có ý kiến nhận vị trí nào cũng được;

Tòa sơ thẩm đã căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số 12/2023 QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đồng thời xét tài sản của ông Tr nằm trên các thửa đất số 21, 22, 27, 29, 30, nên để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, tránh sự thiệt hại về tài sản trên đất của bà M, ông Tr nên giao phần đất có nhà ở và tài sản của bà M cho bà M quản lý sử dụng; giao phần đất có tài sản của ông Tr cho ông Tr quản lý sử dụng; giao cho Bà T, bà S, ông Th5 phần đất thuộc thửa số 276; giao cho bà M một phần đất thuộc thửa số 276 (đủ kỷ phần được hưởng) là phù hợp với điều kiện thực tế.

Do đó yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thu S, bà Lê Hồng Th5, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Thu S và bà Lê Thị Ngọc Tr không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đồng thời xét thấy trong quá trình thu thập chứng cứ, tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng thủ tục, thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên kháng cáo đề nghị hủy bản án của Tòa sơ thẩm của ông Lê Minh Tr cũng không được chấp nhận.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr và bà Lê Hồng Th5 phải chịu.

Bà Lê Thị Thanh T được miễn nộp án phí do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và kháng cáo của ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Hồng Th5, bà Lê Thị Thanh T và bà Lê Thị Ngọc Tr.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Căn cứ khoản 5, khoản 11 Điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 153, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

- Căn cứ Điều 650, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015,

- Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T về việc “yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Tuyên bố Di chúc của bà Huỳnh Thị N số chứng thực 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007, tại UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương vô hiệu.

1.2. Các đồng thừa kế của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N gồm: ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5.

1.3. Di sản của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N gồm: diện tích 70.518,8m² thuộc các thửa số 21, 22, 27, 29, 30, 276, trị giá 65.069.040.000 đồng; nhà ở diện tích 174,7m², trị giá 170.681.900 đồng; 01 cây khế, trị giá 285.000 đồng; 01 cây sứ, trị giá 114.000 đồng trên thửa đất số 29; 1.600 cây cao su, trị giá 704.960.000 đồng; 56 cây huỳnh đường, trị giá 120.960.000 đồng trên thửa đất số 276; giá trị đất bị thu hồi 324.682.400 đồng (thửa số 27, 29); cây trứng cá 100.000 đồng; cây

mặn 330.000 đồng. Tổng cộng 66.391.153.300 đồng (sáu mươi sáu tỷ ba trăm chín mươi một triệu một trăm năm mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Trích 10% công sức đóng góp, gìn giữ cho ông Lê Minh Tr, số tiền 6.639.115.330 đồng (sáu tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu một trăm mười lăm nghìn ba trăm ba mươi đồng). Tổng cộng, di sản của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N là 59.752.037.970 đồng (năm mươi chín tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

1.4. Chia di sản của ông Lê Văn S và bà Huỳnh Thị N theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế (10 đồng thừa kế) của ông S, bà N gồm: ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5, mỗi kỹ phần là 5.975.203.797 đồng (năm tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm lẻ ba nghìn bảy trăm chín mươi bảy nghìn), trong đó: giá trị đất 5.930.546.400 đồng (năm tỷ chín trăm ba mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng); nhà và cây trồng 15.397.281 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi một đồng); tiền bồi thường 29.260.116 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn một trăm mười sáu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh Tr nhận đất và thanh toán giá trị đất cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4.

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4 giá trị đất được hưởng mỗi người là 5.930.546.400 đồng (năm tỷ chín trăm ba mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự về việc phân đất được chia cho người nào mà có tài sản của ông S, bà N trên đất thì người được chia đó thừa hưởng và không phải bồi hoàn giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Ông Lê Minh Tr được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 27.753,9m² (trong đó có 400m² đất ở nông thôn; 1.127,6m² đất hành lang an toàn đường bộ; 26.226,3m² đất trồng cây lâu năm) thuộc tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất gồm: nhà ở diện tích 174,7m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men; 01 cây khế; 01 cây sứ (ký hiệu A1).

Bà Lê Thị Tuyết M được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 2.716,1m² (có 400m² đất ở nông thôn; 2.316,1m² đất nông nghiệp trong đó có 358,1m² hành lang an toàn đường bộ) thuộc tờ bản đồ số 23, tại xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu A2).

Ông Lê Minh Tr được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 14.799,2m² đất trồng cây lâu năm (có 1.879,5m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B1).

Bà Lê Thị Tuyết M được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất

3.049,6m² đất nông nghiệp (có 49,6m² hành lang an toàn đường bộ) thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B2).

Bà Lê Thị Thanh T được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 7.400m² đất trồng cây lâu năm (có 133,6m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B3).

Bà Lê Thị Thu S được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 7.400m² đất trồng cây lâu năm (có 123,5m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B4).

Ông Lê Hồng Th5 được quyền quản lý sử dụng quyền sử dụng đất 7.400m² đất trồng cây lâu năm (có 117,1m² đất hành lang an toàn đường bộ), thuộc một phần thửa số 276, tờ bản đồ số 29, tại xã Tân Hiệp, huyện P, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B5).

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai thu hồi GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA107325, số vào sổ CH00049 ngày 05/02/2010; GCNQSDĐ số AK140745, số vào sổ H05340 ngày 11/10/2007; GCNQSDĐ số AK 140744, số vào sổ H05339 ngày 11/10/2007; GCNQSDĐ số AG 465560, số vào sổ H04373 ngày 08/8/2006; GCNQSDĐ số AG 465673, số vào sổ H04521 ngày 06/12/2006; GCNQSDĐ số T 190698, số vào sổ 00930 QSDĐ/PG ngày 17/12/2001 do UBND huyện P cấp cho bà Huỳnh Thị N để cấp lại theo quyết định của bản án này.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm giao đất cho bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Ngọc Sương, ông Lê Hồng Th5 theo kỹ phần được chia và được quyền quản lý sử dụng.

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5 giá trị nhà, cây trồng (sứ, khế), mỗi người 15.397.281 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi một đồng).

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Hữu Tr2 giá trị căn nhà 58,5m², số tiền 68.585.400 đồng; 01 bồn nước bằng nhựa 500 lít số tiền giá 892.000 đồng, tổng cộng 69.477.400 đồng (sáu mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Ông Lê Minh Tr có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Thị Thanh Th3 giá trị căn nhà 74m², số tiền 80.973.760 đồng; 01 bồn nước bằng nhựa 1000 lít + chân sắt, số tiền 892.000 đồng, tổng cộng 81.865.760 đồng (tám mươi một triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Sau khi thanh toán xong, ông Lê Minh Tr được quyền quản lý sử dụng nhà ở diện tích 174,7m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men; 01 cây khế; 01 cây sứ; nhà ở diện tích 58,5m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men; nhà ở diện tích 74m², kết cấu: vách gạch, cột gạch tô xi măng, mái tole trần la phong bằng nhựa, gạch men.

Bà Lê Thị Tuyết M có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh Tr giá trị cây trồng, hàng rào trên phần đất được chia với số tiền 121.052.547 đồng (một trăm hai mươi một triệu không trăm năm mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Sau khi thanh toán xong, bà Lê Thị Tuyết M được quyền quản lý sử dụng hàng rào diện tích 78,3m², cây trồng trên phần đất được quyền quản lý sử dụng.

Ủy ban nhân huyện P và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P có trách nhiệm chi trả cho ông Lê Minh Th2, bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Tuyết M, bà Lê Thị Thu S, bà Lê Thị Ngọc Tr, ông Lê Hữu Tr2, bà Lê Thị Thanh Th3, ông Lê Quốc Th4, ông Lê Hồng Th5 mỗi người số tiền 29.260.116 đồng (hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn một trăm mười sáu đồng).

Ủy ban nhân huyện P và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P có trách nhiệm chi trả cho ông Lê Minh Tr số tiền 142.834.986 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng).

Ông Lê Minh Tr có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phân chênh lệch cho các đồng thừa kế của ông S, bà N gồm: bà Lê Thị Thanh T, bà Lê Thị Thu S, ông Lê Hồng Th5, mỗi người 10.546.400 đồng (mười triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Bà Lê Thị Tuyết M có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phân chênh lệch cho ông Lê Minh Tr số tiền 505.233.600 đồng (năm trăm lẻ năm triệu hai trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T về việc “yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường 81.063.630 đồng (tám mươi một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Minh Tr về yêu cầu tuyên bố Di chúc của bà Huỳnh Thị N số chứng thực 05, quyền 01/TP/CC-SCT/DC ngày 06/09/2007, tại UBND xã Vĩnh H, huyện P, tỉnh Bình Dương là hợp pháp.

[2] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh Tr, bà Lê Thị Thu S và bà Lê Hồng Th5, Lê Thị Ngọc Tr mỗi người phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000391 ngày 10/10/2024 (ông Lê Minh Trí), số 0003554 ngày 25/11/2024 (bà Lê Thị Ngọc Tr), số 0003504 ngày 15/10/2024 (ông Lê Hồng Th5), số 0003503 ngày 15/10/2024 (bà Lê Thị Thu S) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bà Lê Thị Thanh T không phải chịu.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu, MT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long